

TIỀM NĂNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG KHAI THÁC CÁT LÒNG SÔNG KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

KS. NGUYỄN NHƯ QUỲNH
Chi cục Khoáng sản Miền Nam

1. Thực trạng khai thác và tiêu thụ cát long song khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long

Trong những năm gần đây tình hình khai thác cát lòng sông khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) diễn ra hết sức phức tạp và đang có "tính thời sự" cao, vượt tầm kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương: Tài nguyên bị sử dụng lãng phí, thất thoát và cạn kiệt nhanh chóng; không kiểm soát được khối lượng khai thác và tiêu thụ, gây thất thu lớn cho ngân sách Nhà nước; môi trường bị tàn phá (gây sạt lở ruộng, vườn, đường giao thông, thậm chí cả nhà dân ở hai bên bờ sông,...) gây thiệt hại về kinh tế và tài sản. Tình trạng này diễn ra hầu hết ở các tỉnh ĐBSCL, nổi cộm nhất là ở các tỉnh thuộc lưu vực sông Tiền và sông Hậu: Tình trạng khai thác cát không có giấy phép; tiêu thụ và xuất khẩu với khối lượng lớn vượt công suất cấp phép (theo nguồn tin từ Cục hải quan Cần Thơ, riêng trong 8 tháng đầu năm 2009 khối lượng cát xuất khẩu khoảng 7 triệu tấn, tăng gấp nhiều lần so với những năm trước, cả năm 2009 có thể tới 10 triệu tấn; trong khi đó cả năm 2008 chỉ là 1,4 triệu tấn); sử dụng lãng phí nguồn cát xây dựng làm vật liệu san lấp cho các dự án hạ tầng tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận;....

Từ thực trạng này, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 nghiêm cấm xuất khẩu cát, sỏi xây dựng ra nước ngoài và chỉ đạo Bộ Xây dựng phối hợp với các địa phương và Bộ ngành liên quan hoàn thành việc dự báo nhu cầu và cân đối cung - cầu cát, sỏi xây dựng trong nước đến 2015 và định hướng 2020 và tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động này, Thủ tướng cũng yêu cầu tập trung rà soát, kiểm tra, kiên quyết đình chỉ các hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển, kinh doanh cát, sỏi trái phép và không đảm bảo các điều kiện theo quy định; thu hồi ngay các giấy phép đã cấp không đúng quy định; kiểm điểm các tổ chức, cá nhân liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 11 năm 2008.

Tháng 4/2010 vừa qua Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thành 04 Đoàn Thanh tra về hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và nước dưới đất trên 13 tỉnh, thành thuộc khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, gồm: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long,

Trà Vinh, TP. Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang, nhằm rà soát, chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về khoáng sản (cát sỏi lòng sông) thuộc thẩm quyền của UBND cấp Tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương và việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trong ở vực này.

Kết quả kiểm tra cho thấy: phần lớn công tác quản lý nhà nước về khoáng sản nói chung và hoạt động khai thác cát lòng sông nói riêng tại khu vực ĐBSCL chưa thực hiện đúng và kịp thời Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, cũng như một số quy định của pháp luật về khoáng sản hiện hành, như: chưa lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản (bao gồm cát, sỏi lòng sông) theo thẩm quyền; chưa khoanh định vùng cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo thẩm quyền; cấp giấy phép khai thác khi chưa được thăm dò đánh giá trữ lượng mỏ; còn xảy ra tình trạng cấp phép bị chồng lấn (trùng tọa độ); chưa có biện pháp hữu hiệu trong việc kiểm soát khối lượng cát lòng sông đã khai thác, cũng như trữ lượng còn lại; cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về khoáng sản hầu hết ở các tỉnh thành khu vực ĐBSCL còn thiếu và yếu, chuyên môn không phù hợp...

Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông có giấy phép thì phần lớn không có thiết kế mỏ, không đo vẽ lập bản đồ hiện trạng khai thác mỏ theo định kỳ, không thực hiện ký quỹ môi trường, không thực hiện quan trắc môi trường theo định kỳ; việc kê khai khối lượng cát khai thác và tiêu thụ thấp hơn nhiều so với thực tế, dẫn tới việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước không đầy đủ, đặc biệt đối với cát làm vật liệu san lấp; việc khai thác cát trái phép vẫn xảy ra ở hầu hết các tỉnh thành; điều này gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước; nghiêm trọng hơn là Nhà nước không kiểm soát được khối lượng cát thực tế đã khai thác và trữ lượng còn lại, dẫn tới Quy hoạch cung cầu nguồn cát làm vật liệu xây dựng và san lấp bị phá vỡ, nguồn tài nguyên cát xây dựng bị cạn kiệt nhanh chóng, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển kinh tế của đất nước.

2. Tiềm năng cát lòng sông khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long

Theo các tài liệu địa chất thì khoáng sản ở khu vực ĐBSCL có tiềm năng khá đa dạng về chủng loại, chủ yếu là nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng và than bùn; khoáng sản kim loại ít triển vọng. Có thể điểm qua các loại khoáng sản có mặt trong vùng, bao gồm: nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng có nguồn trầm tích sông, trong đó chủ yếu là cát xây dựng, tập trung chủ yếu ở sông Tiền và sông Hậu, thuộc hạ lưu sông Mê Kông, (thuộc các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre và Hậu Giang). Ngoài ra còn có một số khoáng sản khác như: đá vôi, đất sét làm phụ gia xi măng phân bố ở phía Tây tỉnh Kiên Giang (thuộc khu vực huyện Kiên Lương, Hà Tiên); đá xây dựng có nguồn gốc magma xâm nhập, magma phun trào và trầm tích (đá andesit, đá granit phân bố ở vùng Tri Tôn tỉnh An Giang); than bùn nguồn gốc đầm lầy- biển trong trầm tích Holocen trung-thượng (phân bố ở vùng U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau là chủ yếu)...

Theo báo cáo về hoạt động khai thác cát lòng sông của các tỉnh ĐBSCL cho các Đoàn thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Chi cục Khoáng sản miền Nam tháng 4/2010 vừa qua; tổng trữ lượng cát tại các lưu vực sông khu vực ĐBSCL dự báo đạt khoảng gần 700 triệu m³, trong đó cát đạt tiêu chuẩn làm vật liệu xây dựng chỉ chiếm khoảng 40 %, (tương đương 300 triệu m³); còn lại là cát hạt mịn lẫn bùn sét chiếm khoảng 60 %, (tương đương 400 triệu m³); loại này hiện nay chỉ sử dụng làm vật liệu san lấp, tập trung chủ yếu ở hạ lưu sông Tiền và sông Hậu (thuộc các tỉnh Trà Vinh, Bến Tre, Cần Thơ và Vĩnh Long).

Theo TS. Trần Tân Văn - Phó Viện trưởng Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản (Bộ Tài nguyên-Môi trường) - ĐBSCL là hạ lưu sông Mê Kông, cát, sỏi là thành phần hạt thô nhưng những thành phần này đã lắng đọng ngay ở phần thượng nguồn, xuống đến hạ lưu chỉ còn là phần hạt mịn sét, bột và các thứ khác nên ĐBSCL về cơ bản là vùng đất rất hay xảy ra sụt lún, sạt lở". Như vậy thì khả năng bồi lắng và bổ sung trữ lượng cát xây dựng cho sông Tiền và sông Hậu và một số nhánh sông thuộc ĐBSCL là không đáng kể, chưa nói đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nguồn nước và phù sa hàng năm từ sông Mê Kông đưa về cho sông Tiền và sông Hậu cũng sẽ cạn kiệt. Trong khi đó tình hình khai thác và sử dụng cát ở khu vực này đang có sự gia tăng đột biến; thông tin cả năm 2008 khu vực này chỉ bị khai thác khoảng 1,1 triệu tấn cát xuất khẩu, nhưng sáu tháng đầu năm 2009 lượng cát khai thác đã gấp bảy lần.

Vì vậy vấn đề đặt ra cho chúng ta phải có chính sách quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên quan trọng này. Ngoài ra nhiều chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng cũng đã cảnh báo, Việt Nam sẽ thiếu cát xây dựng một cách trầm trọng trong tiến trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Bên cạnh giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này, việc sản xuất cát nhân tạo cần được chú ý nhiều hơn.

3. Một số vấn đề cần quan tâm độ với khai thác, sử dụng cát lòng sông khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Từ thực trạng hoạt động khai thác, tiêu thụ, sử dụng cát lòng sông khu vực ĐBSCL và công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực này diễn ra trong những năm gần đây, cũng như dự báo về tiềm năng và nhu cầu sử dụng nguồn vật liệu quan trọng này cho xây dựng và phát triển đất nước; đòi hỏi chúng ta phải thức tỉnh, quan tâm và đầu tư ngay cho lĩnh vực này.

3.1. Khẩn trương điều tra đánh giá tổng thể về tiềm năng cát làm vật liệu xây dựng, cát làm vật liệu san lấp trên toàn bộ các lưu vực sông (kể cả cát ven biển) thuộc ĐBSCL. Trên cơ sở đó cần tiến hành xây dựng kịp thời Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cát lòng sông trên toàn bộ các lưu vực sông, thuộc ĐBSCL (Quy hoạch vùng). Trên cơ sở Quy hoạch vùng, khẩn trương lập Quy hoạch chi tiết thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cát lòng sông cho từng tỉnh ở khu vực này.

3.2. Các nhà khoa học thuộc lĩnh vực Địa chất cần quan tâm và có các nghiên cứu đầy đủ về đặc điểm địa chất đối với loại khoáng sản này, đặc biệt chú trọng tới điều kiện địa chất thủy văn, địa chất công trình và điều kiện thành tạo loại khoáng sản này do nguồn gốc phù sa, bồi lắng từ thượng lưu sông Mê Kông kéo về, vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp tới phương pháp khai thác, giải pháp bảo vệ môi trường (sạt lở bờ sông và biến đổi dòng chảy). Các nhà khoa học về Khai thác mỏ cần có các nghiên cứu đầy đủ về phương pháp và công nghệ khai thác cát, sỏi lòng sông và cát ven biển đối với khu vực ĐBSCL, vừa mang tính khoa học vừa có tính thực tiễn cao; trên cơ sở đó tham gia xây dựng các tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật cho hoạt động này, giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước có chính sách phù hợp.

3.3. Đối với công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và các lĩnh vực liên quan cần có các chính sách và giải pháp quản lý hữu hiệu và kịp thời:

- ❖ Chấn chỉnh lại công tác cấp phép khai thác cát, sỏi lòng sông (thuộc thẩm quyền của UBND cấp Tỉnh): chỉ cấp phép khai thác khoáng sản (cát, sỏi lòng sông) khi đã được thăm dò, đánh giá trữ lượng và phê duyệt theo quy định.

- ❖ Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật riêng cho công tác thăm dò đánh giá trữ lượng và phê duyệt đối với loại mỏ cát, sỏi lòng sông, sao cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại hình mỏ này, nhằm đảm bảo độ tin cậy cao, nhất là về trữ lượng mỏ (do còn có sự bồi lắng, tích tụ hoặc sự xâm thực bào mòn nhanh theo thời gian và dòng chảy); vì hiện nay công tác này đang áp dụng chung theo Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn (Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

❖ Không cần dụng phương pháp đo địa hình hiện trạng đáy sông theo định kỳ để báo cáo định kỳ về khối lượng đã khai thác (như hiện nay đang áp dụng giống như đối với loại khoáng sản rắn trên bờ, vì không phản ánh được hiện trạng đáy sông, do địa hình đáy sông thay đổi liên tục dưới tác động của dòng chảy), mà chỉ sử dụng việc này trong quan trắc và giám sát môi trường định kỳ trong quá trình khai thác, nhằm kiểm soát quá trình biến đổi địa hình đáy sông là nguyên nhân cơ bản gây sụt lở bờ sông.

❖ Khẩn trương xây dựng, ban hành các văn bản dưới Luật, để thực hiện việc đấu thầu trong hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản theo khoản 2 điều 13 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản và điều 23 nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005. Theo đó việc xây dựng văn bản quy pháp pháp luật phải đảm bảo được Nhà nước thu các loại thuế và phí trên cơ sở toàn bộ trữ lượng mỏ được cơ quan thẩm quyền phê chuẩn, sau khi đã tính toán huy động vào khai thác, trữ lượng này được thể hiện trong giấy phép khai thác (thu một lần hoặc thu theo sản lượng khai thác hàng năm ghi trong giấy phép), không thu ngân

sách theo số liệu báo cáo của Doanh nghiệp.

❖ Việc khai thác cát lòng sông làm vật liệu san lấp phải qua chế biến (tuyển rửa) để thu hồi một tỷ lệ nhất định khối lượng cát xây dựng nhằm tiết kiệm tài nguyên.

❖ Thay thế công nghệ khai thác bằng bơm hút có công suất lớn bằng công nghệ khai thác truyền thống bằng sáng cạp neo đậu ổn định trên sông, khai thác theo trình tự trong khu vực được cấp phép, nhằm bảo vệ môi trường, hạn chế thấp nhất tới sự sụt lở bờ sông; (do quá trình này diễn ra từ từ không gây xáo động ở đáy sông và kiểm soát được chiều sâu khai thác).□

Người biên tập: Hồ Sỹ Giao

SUMMARY

The paper shows the real state of sand exploitation and marketableness at river in Cửu Long delta in near time. The study results also show the some problems which have been resolved at present.

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC...

(Tiếp theo trang 43)

rõ ràng, chưa phản ánh đúng đắn bản chất của công nghệ khai thác lộ thiên với từng loại khoáng sản khác nhau.

❖ Lựa chọn công nghệ và thiết bị khai thác chưa phù hợp với quy mô khai thác, giá trị thu được do hoạt động khai thác mang lại. Mức độ đầu tư (mức độ tiên tiến của công nghệ và thiết bị khai thác) ở mức độ thấp, đã gây ra nhiều hệ lụy do hoạt động khai thác đối với cơ sở hạ tầng, sử dụng tài nguyên, môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động....

Để khắc phục các bất cập nêu trên, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác các mỏ nhỏ, hạn chế các tác động xấu tới môi trường, tiết kiệm tài nguyên,...điểm mấu chốt cơ bản là phải tiến hành phân loại mỏ theo đặc điểm, tính chất và nội dung của một mỏ khai thác khoáng sản, tạo cơ sở cho những quy định pháp luật về quản lý nhà nước, về những ràng buộc công nghệ thiết bị, năng lực vận hành trong hoạt động khoáng sản, đặc biệt đối với các hoạt động khai thác khoáng sản nhỏ lẻ.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Tuấn Chung. 2009. Nghiên cứu công nghệ khai thác lộ thiên phù hợp với các mỏ nhỏ khai thác đá vật liệu xây dựng ở Việt Nam. Báo cáo tổng

kết đề tài khoa học công nghệ trường đại học Mở-Địa chất. Đề tài hỗ trợ nghiên cứu sinh.

2. Các văn bản pháp quy của Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động khoáng sản.

3. Các website: www.moit.gov.vn; www.monre.gov.vn; www.molisa.gov.vn; www.moc.gov.vn.

Người biên tập: Hồ Sỹ Giao

SUMMARY

The paper shows results of assessing the role of open put mining for the solid minerals in Vietnam. The author also analyses defectiveness in mineral mining and suggests some solutions to uplift the efficiency for mining on the small extent.

LỜI HAY - Ý ĐEP

1. Quá khứ đau thương sẽ gieo mầm cho một tương lai tốt đẹp. *V. Christiffo.*

2. Nhân đức làm cho con người đáng yêu trong cuộc sống và đáng nhớ sau khi chết. *Graxian.*

3. Người ta ai cũng giống nhau trong lời nói, duy chỉ có việc làm là khác nhau mà thôi. *Molie.*

VTH. sưu tầm